

— Từ 12 năm trở lên, thì mỗi năm thêm 1% đến tối đa 20%

2. Đối với Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú, sau khi đạt mức phụ cấp 20%, thì được hưởng tiếp mỗi năm thêm 1% cho đến mức 25%.

3. Đối với giáo viên dạy giỏi, sau khi đạt mức phụ cấp 20% thì được hưởng tiếp theo quy định:

Thâm niên	Số lần danh hiệu giáo viên dạy giỏi	Tỷ lệ phụ cấp
Từ 21 năm trở lên	2 lần trở lên	21%
Từ 22 năm trở lên	3 lần trở lên	22%
Từ 23 năm trở lên	4 lần trở lên	23%
Từ 24 năm trở lên	5 lần trở lên	24%
Từ 25 năm trở lên	6 lần trở lên	25%

Nếu hai điều kiện: thâm niên và số lần đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi không tương ứng với cùng một mức phụ cấp thâm niên, thì hưởng mức phụ cấp thâm niên thấp.

Danh hiệu giáo viên dạy giỏi phải được cấp có thẩm quyền công nhận theo quy chế của hệ thống trường Nhà nước và hệ thống trường Đảng, đoàn thể có ý kiến thỏa thuận của Bộ Giáo dục và đào tạo.

III. — THỜI GIAN TÍNH THÂM NIÊN ĐỂ HƯỞNG PHỤ CẤP

1. Thời gian trực tiếp giảng dạy (kè cả thời gian tập sự, thời gian hợp đồng) ở Học viện, các trường thuộc hệ thống trường Đảng, đoàn thể và các trường thuộc cơ quan Nhà nước mở theo quy chế trường, lớp chính quy của cơ quan có thẩm quyền quy định.

2. Thời gian trực tiếp làm công tác quản lý chỉ đạo giáo dục, đào tạo, nếu trước đó đã có 5 năm trực tiếp giảng dạy.

3. Thời gian được cơ quan, trường học cử đi học nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, sau đó trở về tiếp tục làm công tác giảng dạy hoặc trực tiếp làm công tác quản lý chỉ đạo giáo dục, đào tạo.

4 — Thời gian thai sản, ốm đau dưới 1 năm

IV. — ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1-8-1991. Các văn bản ban trước đây quy định về phụ cấp thâm niên đối với giáo viên, cán bộ giảng dạy thuộc hệ thống Đảng và đoàn thể trái với quyết định số 309/CT ngày 9-12-1988 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Thông tư số 5/LĐTBXH-TT ngày 8-3-1989 của Bộ Lao động—Thương binh và Xã hội và Thông tư này đều không có hiệu lực thi hành.

2. Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban Tài chính — quản trị Trung ương, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Trung ương đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh chỉ đạo, kiểm tra thực hiện Thông tư này ở cơ quan, trường học thuộc phạm vi mình quản lý.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc xin phản ánh về Bộ Lao động — Thương binh và Xã hội cùng nghiên cứu giải quyết.

Bộ trưởng
Bộ Lao động—Thương binh và X.H
TRẦN ĐÌNH HOAN

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 43-TC/TCT/CS ngày 13-8-1991 hướng dẫn thi hành Quyết định của Hội đồng Bộ trưởng số 203-HĐBT ngày 29-6-1991 quy định một số điều chi tiết thi hành các Luật thuế doanh thu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế lợi tức.

Căn cứ các Luật thuế doanh thu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế lợi tức và Quyết

định của Hội đồng Bộ trưởng số 203-HĐBT ngày 29-6-1991 quy định một số điều chi tiết thi hành các Luật thuế doanh thu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế lợi tức. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc tổ chức thực hiện như sau:

I — ĐIỀU CHỈNH CÁC ĐỊNH MỨC BẰNG TIỀN TRONG CÁC LUẬT THUẾ

Căn cứ vào chỉ số giá cả biến động từ tháng 6 năm 1990 (khi ban hành các Luật thuế) đến cuối tháng 6 năm 1991; căn cứ vào Ủy nhiệm của Hội đồng Bộ trưởng tại điều 1 Quyết định số 203-HĐBT, Bộ Tài chính điều chỉnh các định mức bằng tiền trong các Luật thuế cho phù hợp với thời giá hiện hành, như sau:

A. Điều chỉnh mức doanh thu tính thuế bình quân tháng/1 hộ của hộ kinh doanh nhỏ đối với từng ngành ghi ở điều 14 của Luật thuế doanh thu, và điều 11 của Luật thuế lợi tức theo các mức mới dưới đây:

1. Ngành sản xuất, thương nghiệp: đến 6 triệu đồng,
2. Ngành ăn uống: đến 3 triệu đồng
3. Ngành sản xuất gia công, xây dựng, vận tải, dịch vụ: đến 1,5 triệu đồng.

B. Điều chỉnh mức xử phạt bằng tiền, quy định tại điểm 1-a của điều 19 Luật thuế doanh thu, điểm 1-a của điều 20 Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, điểm 1-a của điều 27 Luật thuế lợi tức, theo mức mới là 1 triệu đồng.

C. Điều chỉnh mức bằng tiền về thẩm quyền xử phạt của từng cấp cán bộ thuế, quy định tại điểm 1 của điều 20 Luật thuế doanh thu, điểm 1 của điều 21 Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, điểm 1 của điều 28 Luật thuế lợi tức, như sau:

Mức cũ	Mức mới
50.000 đồng	100.000 đồng
200.000 đồng	400.000 đồng
500.000 đồng	1.000.000 đồng

II — GIẢM THUẾ DOANH THU

Căn cứ điểm 3 của điều 18 Luật thuế doanh thu và điều 2 Quyết định số 203-HĐBT ngày 29-6-1991 của Hội đồng Bộ trưởng, Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thi hành việc xét giảm thuế doanh thu, như sau:

1. Đối tượng được xét giảm thuế doanh thu:

a) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh ở miền núi, gặp nhiều khó khăn, lỗ vốn, không duy trì được hoạt động;

b) Một số ngành, nghề quan trọng không nằm trong diện phải sắp xếp lại (giải thể, sáp nhập), cần phải duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh nhưng có khó khăn khách quan, sau khi đã giảm miễn thu trên vốn, nhưng vẫn còn lỗ vốn, nếu không có sự chiết cố thêm về thuế doanh thu thì không tồn tại được. Những ngành, nghề đó bao gồm:

— Sản xuất, sửa chữa cơ khí; các sản phẩm thuộc tư liệu sản xuất phục vụ nông nghiệp;

— Khai thác, chế biến khoáng sản, lâm sản, thủy sản;

— Sản xuất sản phẩm cần thiết cho nhu cầu của địa phương bằng nguyên liệu tại chỗ (nông sản, lâm sản, thủy sản);

— Sản xuất những sản phẩm truyền thống của địa phương;

— Sản xuất tư liệu sản xuất phục vụ các ngành kinh tế quốc dân, bao gồm cả sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu, cây, con giống, hóa chất, vật liệu xây dựng;

— Cơ sở mới đầu tư đi vào sản xuất 1-2 năm đầu gặp khó khăn; sản xuất thử nghiệm chế tạo sản phẩm mới;

— Vận tải hành khách phục vụ nội thành, nội thị;

— Bảo chí, xuất bản;

— Dịch vụ khoa học kỹ thuật.

Các hoạt động sản xuất kinh doanh nói trên có khó khăn khách quan nếu bị lỗ vốn, không có khả năng nộp đủ

thuế, Nhà nước phải trợ giá để duy trì hoạt động thì được xem xét giảm thuế doanh thu.

Danh mục các ngành nghề quan trọng cần được khuyến khích hỗ trợ về thuế doanh thu sẽ được Ủy ban kế hoạch Nhà nước và Bộ Tài chính điều chỉnh, bổ sung, cụ thể hóa trong từng thời kỳ cho phù hợp với chủ trương đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước.

2. Điều kiện được xét giảm thuế doanh thu:

Các cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động trong các ngành nghề ghi ở điểm 1 của mục II nói trên được xét giảm thuế doanh thu phải có đủ các điều kiện sau đây :

- Cơ sở sản xuất kinh doanh không nằm trong diện phải sắp xếp lại (giải thể, sáp nhập...).

- Có giấy phép hoạt động ghi rõ ngành nghề, mặt hàng được phép sản xuất kinh doanh.

- Giữ sổ sách kế toán, chứng từ hóa đơn theo đúng chế độ của Nhà nước, được cơ quan thuế xác nhận; quyết toán được tình hình sản xuất kinh doanh, xác định đúng đắn, rõ ràng, lỗ lãi.

- Thực sự có khó khăn do nguyên nhân khách quan, không phải do buôn bán trái phép bị phạt và tịch thu hàng hóa hoặc bị lừa đảo làm mất hết vốn. Sau khi đã áp dụng biện pháp miễn thuế sử dụng vốn, mà vẫn không duy trì được hoạt động.

3. Nguyên tắc, thủ tục, mức xét giảm thuế doanh thu:

a) Đơn vị xin giảm thuế phải có đơn gửi đến cơ quan trực tiếp quản lý thuế, thuyết minh đầy đủ tình hình, lý do và các điều kiện xin giảm thuế doanh thu theo các nội dung nói ở điểm 2 trên đây, phải gửi bản quyết toán tài chính và kèm theo bản giải trình những khó khăn khách quan làm cho đơn vị lỗ vốn.

b) Việc xét giảm thuế doanh thu được thực hiện theo nguyên tắc: xét tạm giảm

từng kỳ 3 tháng hoặc 6 tháng (tùy theo chu kỳ sản xuất kinh doanh của từng mặt hàng) căn cứ vào quyết toán của 3 tháng trước hoặc 6 tháng trước số lô đã phát sinh trong quyết toán để quyết định mức tạm giảm cho 3 tháng hoặc 6 tháng tiếp theo và sẽ được quyết toán chính thức vào cuối năm; có thực lỗ mới được giảm thuế doanh thu, nếu không lỗ thì không được giảm thuế doanh thu.

c) Cơ quan thuế các cấp ở địa phương xem xét đơn xin giảm thuế doanh thu của từng cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc cấp mình trực tiếp quản lý thu thuế, theo trình tự sau đây:

- Cán bộ thuế trực tiếp quản lý cơ sở nhận hồ sơ xin giảm thuế, kiểm tra kỹ nội dung và có nhận xét, báo cáo bằng văn bản với lãnh đạo cơ quan thuế trực tiếp.

- Thủ trưởng cơ quan thuế xem xét và kiến nghị lên cơ quan thuế cấp trên trực tiếp, về mức tạm giảm thuế doanh thu cho từng trường hợp cụ thể tương ứng với số lô phát sinh của 3 tháng, hoặc 6 tháng trước/mức tạm giảm tối đa không quá 50% số thuế doanh thu phải nộp theo Luật định

d) Việc xét giảm thuế doanh thu chỉ áp dụng trong một số trường hợp cần thiết, cho một số đối tượng hạn chế sau khi đã áp dụng các biện pháp khác.

Hội đồng Bộ trưởng chỉ giao quyền xét giảm thuế doanh thu cho Bộ trưởng Bộ Tài chính. Nhưng để phù hợp với tình hình thực tế, Bộ Tài chính ủy nhiệm việc xét tạm giảm thuế doanh thu từng quý, 6 tháng cho các cơ quan thuế sau đây:

- Tổng cục trưởng Tổng cục thuế xem xét, ra quyết định tạm giảm thuế doanh thu trong từng thời kỳ 3 tháng, 6 tháng và quyết định giảm thuế doanh thu khi có quyết toán năm cho các đơn vị kinh tế quốc doanh thuộc trung ương quản lý.

— Cục trưởng Cục thuế xem xét, ra quyết định tạm giảm thuế doanh thu trong từng thời kỳ 3 tháng, 6 tháng và quyết định giảm thuế doanh thu khi có quyết toán năm cho các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc địa phương tỉnh, thành phố, quận huyện quản lý. Riêng những đơn vị do địa phương quản lý có số thuế doanh thu xin tạm giảm hoặc xin quyết toán giảm bình quân tháng từ 4 triệu đồng trở lên thì phải báo cáo lên Tổng cục trưởng Tổng cục thuế xem xét ra quyết định tạm giảm thuế doanh thu hoặc quyết toán giảm thuế doanh thu.

2. Căn cứ vào quyết định mức tạm giảm thuế doanh thu cụ thể của từng cơ sở, cơ quan thuế ở địa phương thực hiện việc giảm thuế hàng quý, 6 tháng theo đúng thời gian quy định. Cuối năm khi quyết toán sản xuất kinh doanh, đồng thời phải quyết toán số thuế doanh thu được giảm cho từng cơ sở sản xuất kinh doanh theo nguyên tắc có lỗ mới được giảm thuế doanh thu, nhưng mức giảm tối đa không quá mức giảm đã được Hội đồng Bộ trưởng quy định.

III — VỀ THUẾ TIÊU THU ĐẶC BIỆT

Theo điều 3 Quyết định của Hội đồng Bộ trưởng số 203-HĐBT ngày 29-6-1991 trước mắt, riêng đối với thuốc lá điếu và rượu các loại của các xí nghiệp quốc doanh sản xuất, được tạm nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo các thuế suất dưới đây :

1. Đối với thuốc lá điếu có đầu lọc, sản xuất chủ yếu bằng nguyên liệu nhập khẩu : 50%.

2. Đối với thuốc lá điếu có đầu lọc, sản xuất chủ yếu bằng nguyên liệu trong nước : 40%.

3. Đối với thuốc lá điếu không có đầu lọc, xì gà : 30%.

4. Đối với rượu :

- Trên 40° : 55%.
- Từ 30° đến 40° : 45%.

— Dưới 30°, kể cả rượu nhẹ có ga, rượu thuốc được cơ quan y tế cấp giấy phép : 25%.

Các thuế suất nói trên được tính trên giá do cơ sở sản xuất mặt hàng đó bán ra.

Việc áp dụng thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt như trên là để tạm thu kịp thời gắn với kết quả tiêu thụ các mặt hàng rượu và thuốc lá điếu. Đến cuối năm, khi có báo cáo quyết toán, sẽ xét giảm thuế tiêu thụ đặc biệt cho từng cơ sở phù hợp với thực tế sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Chỉ cho giảm thuế phần bị lỗ, nhưng mức giảm tối đa không quá mức giảm của Hội đồng Bộ trưởng quy định.

IV — ĐỐI VỚI CÁC LOẠI PHÍ VÀ LỆ PHÍ

Việc thống nhất kiểm soát, quản lý thu các loại phí, lệ phí ở các ngành, các địa phương và quy định rõ chế độ quản lý, phân phối, sử dụng các loại phí, lệ phí, cần có thời gian nghiên cứu, chuẩn bị. Các cục thuế cần điều tra, báo cáo các khoản phí, lệ phí mà các cấp, các ngành đang thực hiện trên địa bàn (theo công văn số 472-TC/TCT/NV4 ngày 17-6-1991 của Tổng cục thuế), Tổng hợp báo cáo về Bộ Tài chính (Tổng cục thuế) trong tháng 8-1991. Sau khi tổng hợp nghiên cứu trình Hội đồng Bộ trưởng có quy định chính thức, Bộ Tài chính sẽ hướng dẫn cụ thể.

Trước mắt, việc quản thu các loại phí, lệ phí, tạm thời thực hiện theo những quy định và hướng dẫn hiện hành.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 1-7-1991. Những điểm quy định trước đây trái với Thông tư này, đều bãi bỏ.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng
PHAN VĂN ĐÌNH